TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 5 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Khôi và bà Trần Thị Yến Nhi.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lương Thị Thanh T**, sinh năm 1993, địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã S T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Minh P**, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp B M, xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Lương Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình và việc nuôi dạy con nên vợ chồng thường hay cãi nhau, chị và anh P không còn chung sống với nhau từ năm 2020. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể về sống chung được với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh P có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Ngọc Bích Th1, sinh ngày 08/01/2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu Th, Th1 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ của cơ quan, tổ chức cá nhân nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Nguyễn Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 51, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Lương Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Minh P; về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Ngọc Bích Th1, sinh ngày 08/01/2019 cho chị Lương Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh P vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Minh P cư trú tại Ấp B M, xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Chị Lương Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Minh P và giải quyết việc nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Chị Lương Thị Thanh T khởi kiện đối với anh Nguyễn Minh P. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị T là nguyên đơn, anh P là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Về việc vắng mặt của các đương sự: Chị Lương Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Minh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lương Thị Thanh T và anh Nguyễn Minh P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T, anh P là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Trên cơ sở lời khai của chị T và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Sau khi kết hôn, chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn, bất hòa với nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay chị T và anh P không còn quan tâm đến nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng, việc này phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi cư trú. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Minh P mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến, không đến Tòa án làm việc, điều này thể hiện anh P không có thiện chí để hòa giải hàn gắn để vợ chồng về sống chung.

Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T, anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: Lương Thị Thanh T và anh Nguyễn Minh P có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Ngọc Bích Th1, sinh ngày 08/01/2019 hiện nay đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Th và Th1. Anh P vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung, cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ. Như vậy, giao cháu Th và Th1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị Thanh T trình bày không có, anh Nguyễn Minh P vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Thanh T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Ngọc Bích Th1, sinh ngày 08/01/2019 cho chị Lương Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Anh Nguyễn Minh P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Khi cần thiết chị Lương Thị Thanh T và anh Nguyễn Minh P được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lương Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0013682 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Chị Lương Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Thanh(75/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuân